TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 9-2025
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thụy Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Nay**
2. Bà **Trần Thị Phương Anh**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Ngô Văn Trường**, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Lào** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Kim L, sinh năm 1981. Căn cước số 095181002821, cấp ngày 28/10/2024, tại Bộ C. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Võ Kim L là bà Trần Thị Thảo M, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp B, xã C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng D, sinh ngày 1980. Căn cước số 095080010408, cấp ngày 10/5/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau).

(Bà L, ông D có đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Kim L bày tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Bà L và ông D tự nguyên xây dựng hôn nhân và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2001, đến năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã V vào ngày 23/4/2007. Quá trình chung sống, bà L và ông D thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hòa hợp, không yêu thương, do có con chung nên cố gắn sống chung để nuôi dạy và nay con trưởng thành. Bà L và ông D đã ly thân 07 năm nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông D. Về con chung: Có 02 người con chung cháu Trần Trí N, sinh ngày 15/7/2001 và cháu Trần Như Ý, sinh ngày 14/6/2003. Cháu Ý và cháu N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Trần Hoàng D trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 8 năm 2025: Ông D thống nhất lời trình bày của bà L về hôn nhân, con chung, tài sản chung. Quá trình chung sống, ông D và bà L đã phát sinh mâu thuẫn năm 2019 và từ đó ông D và bà L đã ly thân cho đến nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông D đồng ý. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Kim L đối với ông Trần Hoàng D. Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà L1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 02 tháng 6 năm 2025, bà L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn đối với ông Trần Hoàng D, đăng ký thường trú tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau) . Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, bà L và ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông D theo quy định khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà L và ông D chung sống với nhau năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau) ngày 23/4/2007 nên hôn nhân giữa bà L và ông D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Theo bà L xác định quá trình chung sống, bà L và ông D thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không tôn trọng nhau, thường xuyên cự cãi. Bà L và ông D đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích

hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông D. Phía ông D thống nhất lời trình bày của bà L, thống nhất thời gian chung sống, đăng ký kết và quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn nên ông D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa bà L và ông D không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, bà L và ông D đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Ông D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L nhưng do ông D không đến Tòa án làm việc, từ đó Tòa án không hòa giải thành được mà phải đưa vụ án ra xét xử và cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L với ông D.

[5]. Về con chung: Bà L và ông D chung sống với nhau có 02 người con chung, cháu Trần Trí N, sinh ngày 15/7/2001 và cháu Trần Như Ý, sinh ngày 14/6/2003. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N và cháu Ý đã trưởng thành, phát triển bình thường nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, từ đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông D xác định, quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà L và ông D thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01 ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do vậy, bà L và ông D mỗi người phải chịu số tiền án phí 75.000 đồng, nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011260 ngày 17 tháng 7 năm 2025, chuyển thu án phí của bà L 75.000 đồng, hoàn lại số tiền chênh lệch 225.000 đồng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

[8]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01 ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cáo hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Kim L với ông Trần Hoàng D.

2. Về con chung: Bà Võ Kim L và ông Trần Hoàng D thống nhất xác định con chung đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà L và ông D mỗi người phải chịu số tiền án phí 75.000 đồng, nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011260 ngày 17 tháng 7 năm 2025, chuyển thu án phí của bà L1 75.000 đồng, hoàn lại số tiền chênh lệch 225.000 đồng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Thới, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi